

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2021
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:

Bà Phạm Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Lệ Hoa

Bà Trần Thị Chiếm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng, Thư ký Tòa của Tòa án nhân dân Thành phố T tỉnh L.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự “Ly hôn”, thụ lý số 29/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tr. Th. T. A

Sinh năm: 1968

Địa chỉ: 100 Đường PVL Phường S Thành phố T tỉnh L.

- Bị đơn: Ông Ng. V. D

Sinh năm: 1964

Địa chỉ: 100 Đường PVL Phường S Thành phố T tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Tr. Th. T. A trình bày: Sau khoảng gần một năm tìm hiểu, bà và ông D tổ chức đám cưới vào năm 1988. Đến năm 2001, đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, do ông D thường xuyên uống rượu, tụ tập bạn bè để chơi những trò đỏ đen. Khi bà khuyên can, ông D không những không nghe theo mà còn đánh đập bà. Vì thương con và vì lúc đó

bà không đi làm được, hoàn toàn lệ thuộc vào ông D nên bà đã chịu đựng. Tuy nhiên, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến đầu năm 2016, bà và ông D không chung sống cùng nhau nữa. Không thể kéo dài tình trạng hôn nhân hiện tại và tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Về con chung, bà và ông D có hai người con chung, tên là Nguyễn Văn Trừ, sinh ngày 14 tháng 11 năm 1988 và Nguyễn Thị Tuyết Trinh, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2001. Các con chung đã thành niên.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng bà không nợ chung ai và cũng không ai nợ chung vợ chồng bà.

Ông Ng. V. D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Ng. V. D và bà Tr. Th. T. A là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì ông D không quan tâm đến gia đình, cờ bạc, có hành vi bạo lực gia đình, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và không chung sống cùng nhau, từ cuối năm 2016. Tình cảm vợ chồng không còn và không thể kéo dài tình trạng hôn nhân hiện tại, bà Tr. Th. T. A khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ng. V. D. Theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Thành phố T thụ lý và giải quyết vụ án.

[2] Tòa án nhân dân Thành phố T tỉnh L đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn Ng. V. D vẫn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, ngày 27 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân Thành phố T đã lập Biên bản về việc không kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ được và Biên bản không tiến hành hòa giải được. Tòa án nhân dân Thành phố T đưa vụ án ra xét xử, ông Ng. V. D vắng mặt lần thứ nhất tại phiên tòa ngày 14 tháng 5 năm 2021 và ngày 31 tháng 5 năm 2021, ông D cũng không tham gia phiên tòa; Bà Tr. Th. T. A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân Thành phố T xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà A và ông D xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2001 nên áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình (năm 2000) để giải quyết về nội dung, theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Ông Ng. V. D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, thể hiện thái độ không quan tâm, mặc kệ hậu quả. Đồng thời, ông D cũng không có bất cứ hành vi nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy,

khó có khả năng đoàn tụ. Tình trạng hôn nhân không hạnh phúc. Cho nên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về con chung, nguyên đơn và bị đơn hai người con chung, tên là NVT, sinh ngày 14 tháng 11 năm 1988 và NTTT, sinh ngày 06 tháng 11 năm 2001. Các con chung đều đã thành niên.

[6] Về tài sản chung và nợ chung, do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Tr. Th. T. A phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2000), Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 238, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr. Th. T. A đối với ông Ng. V. D.

Về án phí: Bà Tr. Th. T. A chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà A đã nộp (theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005141 ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố T tỉnh L) thành án phí sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Tr. Th. T. A, bị đơn Ng. V. D vắng mặt tại phiên tòa, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp
- Chi cục thi hành án dân sự
- Các đương sự
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Thảo